

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI BẢO AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI BẢO AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAO AN TRANDE AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107489111

**3. Ngày thành lập:** 30/06/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

P104-H14, tổ 24, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2610     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2620     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2651     |
| 4.  | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2815     |
| 5.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2819     |
| 6.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4669     |
| 10. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4752     |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4759     |
| 12. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4761     |

|     |                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                  | 5610 |
| 14. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)<br>Chi tiết: Phục vụ tiệc, hội họp                                                  | 5621 |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                           | 5630 |
| 17. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                             | 6201 |
| 18. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                               | 6202 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                   | 6209 |
| 20. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                | 6311 |
| 21. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                        | 3312 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                            | 3313 |
| 23. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                            | 3314 |
| 24. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                            | 3319 |
| 25. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                           | 3320 |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                     | 4610 |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                | 4649 |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                               | 4651 |
| 29. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                | 4652 |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                   | 4659 |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                          | 4773 |
| 32. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                           | 4791 |
| 33. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                               | 4931 |
| 34. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan du lịch | 4932 |
| 35. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 36. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                         | 8230 |
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                       | 8299 |
| 38. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                         | 9511 |
| 39. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                        | 9512 |
| 40. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                      | 9521 |
| 41. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                               | 9522 |

|     |                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 42. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế ( trừ loại Nhà nước cấm)                              | 6920(Chính) |
| 43. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                     | 7010        |
| 44. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                           | 7020        |
| 45. | Quảng cáo                                                                                                          | 7310        |
| 46. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: hoạt động môi giới thương mại | 7490        |
| 47. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                             | 7710        |
| 48. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                | 7730        |
| 49. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                              | 8211        |
| 50. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                           | 8219        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.850.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐÀO QUANG PHỤC   | Xóm Chùa, thôn Chùa, Xã Đức Hoà, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 1.850      | 185.000.000           | 10,000    | 012886345                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 1.850      | 185.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ THỊ THANH VÂN | P104-H14, tổ 24, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 4.625      | 462.500.000           | 25,000    | 011957342                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 4.625      | 462.500.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ VÂN   | Thôn Gia Miếu, Xã Hà Long, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 925        | 92.500.000            | 5,000     | 172661504                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 925        | 92.500.000            | 5,000     |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                         |                   |        |               |        |           |  |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|---------------|--------|-----------|--|
| 4 | NGUYỄN XUÂN QUÝ | Số 5, tổ 5, Thị trấn Sóc Sơn, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.175 | 1.017.500.000 | 55,000 | 011730801 |  |
|   |                 |                                                                         | Tổng số           | 10.175 | 1.017.500.000 | 55,000 |           |  |
| 5 | NGUYỄN THỊ THU  | Thôn Đức Hậu, Xã Đức Hoà, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 925    | 92.500.000    | 5,000  | 013387320 |  |
|   |                 |                                                                         | Tổng số           | 925    | 92.500.000    | 5,000  |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THỊ THANH VÂN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/11/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011957342

Ngày cấp: 03/10/2012

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P104-H14, tổ 24, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P104-H14, tổ 24, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội